

KẾ HOẠCH

Thực hiện công khai năm học 2021-2022

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Tiểu học An Phú xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai năm học 2021 - 2022 như sau:

I. Mục tiêu công khai

Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp, các nguồn đóng góp tự nguyện từ cha mẹ học sinh đảm bảo khách quan, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết.

Công khai các hoạt động của nhà trường trước viên chức, người lao động, học sinh, cha mẹ học sinh và quần chúng nhân dân trên địa bàn. Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mỗi đoàn kết trong nội bộ trong trường học.

Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

II. Nội dung thực hiện công khai

1.1. Công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục, gồm:

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục đang thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh

(Đính kèm Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023 về Tổng số học sinh, Số học sinh học 2 buổi/ngày, Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất, Số học sinh chia theo kết quả học tập, Tổng hợp kết quả cuối năm

(Đính kèm Biểu mẫu 06).

c) Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

Số phòng học/số lớp, Tổng diện tích đất (m^2), Diện tích sân chơi, bãi tập (m^2), Tổng diện tích các phòng, Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu, Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập, Tổng số thiết bị dùng chung khác, Nhà bếp, Nhà ăn, Phòng nghỉ cho học sinh bán trú, Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, Nguồn điện, Kết nối internet, Trang thông tin điện tử (website) của trường, Tường rào *(Đính kèm Biểu mẫu 07).*

d) Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học:

Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên về Trình độ đào tạo, Hạng chức danh nghề nghiệp, Chuẩn nghề nghiệp. *(Đính kèm Biểu mẫu 08).*

e) Công khai thu chi tài chính

Công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số

61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Các nội dung công khai:

- Theo điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (*Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục*).

- Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học. Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

1.2. Công khai theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập

a) Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của cơ sở giáo dục;

b) Các nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục;

c) Kế hoạch năm học, học kỳ, tháng, tuần; kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược định hướng phát triển của cơ sở giáo dục;

d) Kinh phí hoạt động hằng năm, bao gồm các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn tài chính khác; quyết toán kinh phí hằng năm; tài sản, trang thiết bị; kết quả kiểm toán của cơ sở giáo dục;

đ) Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng; quyết định bổ nhiệm, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, di công tác nước ngoài, giải quyết chế độ, nâng bậc lương, thăng hạng, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động; việc đánh giá, xếp loại, hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc;

e) Các vụ việc tiêu cực, tham nhũng trong cơ sở giáo dục đã được kết luận; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật;

g) Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong cơ sở giáo dục;

h) Kết quả tiếp thu ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của hiệu trưởng đưa ra lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

i) Văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan quản lý cấp trên liên quan đến công việc của cơ sở giáo dục.

III. Hình thức và thời điểm công khai

3.1. Hình thức công khai

- Công khai trên website của nhà trường: <http://thanphu.hcm.edu.vn>
- Niêm yết công khai tại nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp hội đồng sư phạm.

3.2. Thời điểm và thời gian công khai

Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời trước khi khai giảng năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

IV. Tổ chức thực hiện

2.1. Hiệu trưởng:

- Tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản.

Hình thức: niêm yết tại trường, họp Chi bộ, họp HDSP.

Thời điểm công khai: tháng 6.

Đối tượng công khai: đảng viên chi bộ; VC-NLĐ.

- Công khai kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục và kết quả đạt được qua các mốc thời gian

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Liên tịch, họp HDSP.

Thời điểm công khai: đầu năm học.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.2. Phó Hiệu trưởng chuyên môn:

- Chỉ đạo nhân viên văn thư – học vụ hoàn thành các nội dung công khai theo biểu mẫu số 5, 6, 7, 8.

Hình thức: website, niêm yết tại trường, họp Liên tịch, họp HĐSP.

Thời điểm công khai: tháng 6.

Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

2.3. Kế toán:

a. Nội dung công khai:

- Công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường.

- Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu tài chính.

- Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học (căn cứ thu, mục đích thu, đối tượng thu, mức thu, nội dung chi).

- Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

b. Hình thức: niêm yết tại trường, họp CMHS (đối với học phí và các khoản thu khác từ người học, chính sách miễn, giảm học phí đối với học sinh).

c. Thời điểm công khai: hàng tháng, hàng quý.

d. Đối tượng công khai: VC-NLĐ; học sinh; cha mẹ học sinh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2021 - 2022 của trường Tiểu học An Phú ./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- Ban chỉ đạo (để t/h);
- Toàn đơn vị.
- Lưu VP.

**Hiệu trưởng****Nguyễn Thị Phụng**

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN PHÚ

Số: ~~140~~BC-TiHAP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 31 tháng 5 năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Quy chế công khai
Năm học 2021 - 2022

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 15/KH-THAP ngày 05/9/2021 của trường Tiểu học An Phú về kế hoạch thực hiện quy chế công khai năm học 2021 - 2022;

Trường Tiểu học An Phú báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Công tác triển khai và ban hành các văn bản

1. Quán triệt và triển khai các văn bản:

- Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục;

- Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

- Điều lệ trường Tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Quyết định số 6363/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của UBND TP.Thủ Đức về việc giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách năm 2020 cho trường Tiểu học An Phú;

- Quyết định 45351/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND TP.Thủ Đức về điều chỉnh nguồn kinh phí chi lương, phụ cấp theo lương và chi các hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập được giao theo Quyết định số 6363/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2020 của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Thủ Đức;

- Công văn số 3707/UBND-GDDT ngày 16 tháng 10 năm 2020 của UBND thành phố Thủ Đức về hướng dẫn thu, sử dụng học phí, các khoản thu khác và thực hiện các chế độ miễn - giảm, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2020 - 2021 của các cơ sở giáo dục và đào tạo.

2. Ban hành các văn bản

- Kế hoạch số 15/KH-AP ngày 05 tháng 9 năm 2021 của trường Tiểu học An Phú về Kế hoạch thực hiện quy chế công khai năm học 2021 - 2022;

- Thực hiện việc công khai Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Kế hoạch tuyển sinh đầu cấp, Kế hoạch tuyển dụng, Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; Kế hoạch giáo dục nhà trường.

II. Thực hiện công khai

1. Nội dung công khai

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường; chương trình giáo dục đang thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (*Biểu mẫu 05*).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2020 - 2021 về Tổng số học sinh, Số học sinh học 2 buổi/ngày, Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất, Số học sinh chia theo kết quả học tập, Tổng hợp kết quả cuối năm (*Biểu mẫu 06*).

c) Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023

Số phòng học/số lớp, Số điểm trường lẻ, Tổng diện tích đất (m^2), Diện tích sân chơi, bãi tập (m^2), Tổng diện tích các phòng, Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu, Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập, Tổng số thiết bị dùng chung khác, Nhà bếp, Nhà ăn, Phòng nghỉ cho học sinh bán trú, Khu nội trú, Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, Nguồn điện, Kết nối internet, Trang thông tin điện tử (website) của trường, Tường rào (*Biểu mẫu 07*).

d) Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học:

Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên về Trình độ đào tạo, Hạng chức danh nghề nghiệp, Chuẩn nghề nghiệp. (Biểu mẫu 08).

e) Công khai thu chi tài chính

- Theo điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục).

- Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học. Công khai kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

2. Hình thức và thời điểm công khai

2.1. Hình thức

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm và niêm yết thông báo.

- Công khai trong các buổi họp Cha mẹ học sinh (đầu năm, giữa học kỳ và cuối năm học).

2.2. Thời điểm công khai

a) Từ tháng 9/2021 đến tháng 10/2021

- Cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày đầu tháng 9/2021.

- Công khai trên trang thông tin điện tử của trường.

- Đối với công tác tuyển sinh: Công khai các văn bản có liên quan đến công tác tuyển sinh của thành phố Thủ Đức, của nhà trường qua trang web, thông báo.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

III. Thuận lợi - Khó khăn

1. Thuận lợi

- Nhà trường có đầy đủ văn bản và cơ sở pháp lý để nhà trường thực hiện tốt công tác công khai tại nhà trường.

- Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu

chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Cha mẹ yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng giáo dục.

2. Khó khăn

Nhà trường chưa có nhân viên phụ trách công nghệ thông tin nên việc truyền tải các nội dung công khai trên trang web còn chậm, chưa kịp thời về thời gian.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của trường Tiểu học An Phú năm học 2021 - 2022./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- Ban chỉ đạo;
- Toàn đơn vị;
- Lưu VP.



Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Phụng

Biểu mẫu 05

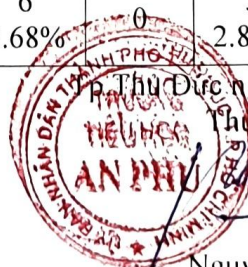
THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học
Năm học: 2021- 2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp
I	Điều kiện tuyển sinh	Lớp 1: 4 lớp với 166 HS trong đó có 4 lớp TATC & NC. - Tuyển sinh đúng quy định, những học sinh ở độ tuổi : 6 tuổi: 163 7 tuổi: 02 8 tuổi: 01 HS thủ tục đúng quy định bao gồm: - Bản sao giấy khai sinh hợp lệ, có ký duyệt của Ban giám hiệu. - Địa bàn tuyển sinh theo phân tuyến của Phòng giáo dục tại các phường: Tam trú và thường trú kp 2.3.4 An Phú - Tin nhắn được phân tuyến: do Phòng giáo dục cấp. - Chỉ tiêu tuyển sinh: nhận 5 lớp theo thực tế các phường An Phú Lớp 2: 4 Lớp/167 HS trong đó có tiếng Anh TATC & NC Lớp 3: 5 Lớp /172 HS trong đó có tiếng Anh CTPT 2018 Lớp 4: 4 Lớp/196 HS trong đó có tiếng Anh tăng cường Lớp 5: 4 lớp /176 HS trong đó có tiếng Anh tăng cường
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1;2; và chương trình giáo dục 2006 đối với lớp 3,4,5 ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học. - HS tàn tật, khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân và Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật. - Số tiết học: + Lớp 1: 23 tiết/tuần + Lớp 2, : 23 tiết/tuần. + Lớp 3, 4, 5: 23 tiết/tuần. - Số buổi học: 100% học sinh học 2 buổi / ngày, được học đầy đủ các môn theo quy định của từng khối lớp theo quy định học 2 buổi / ngày, ngoài ra học sinh còn được học năng khiếu; thể dục nhịp điệu, giáo dục môi trường, an toàn giao thông, quyền trẻ em, nha học đường và dạy lồng ghép nội dung giáo dục Tư tưởng Hồ Chí Minh. Giáo dục kỹ năng sống và tiết kiệm năng lượng. Học sinh được học tiếng anh tăng cường và nâng cao từ Khối 1 đến khối 5, Tin học từ khối 3 đến khối 5, - Hồ sơ sổ sách của giáo viên có đủ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học . - V/v triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2020 – 2021 - Tham gia tập huấn tăng cường năng lực đánh giá học sinh theo thông tư 27/ 2020 và thông tư 30/2014; thông tư 22/2016
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình	Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: + Có sự phối hợp với gia đình trong việc quản lý, giáo dục HS và thực hiện những nhiệm vụ do nhà trường đề ra.

Biểu mẫu : 06

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học: 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	886	165	178	198	178	167
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	886	165	178	198	178	167
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	886	165	178	198	178	167
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	666 75.16%	137 83.03%	123 69.10%	157 79.29%	114 64.04%	135 80.8%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	215 24.26%	28 16.97%	50 28.08%	41 20.71%	64 35.96%	32 19.2%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	5 0.58%	0	5 2.82%	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	886	165	178	198	178	167
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	880 99.32%	165 100%	173 97.19 %	197 99.50%	178 100%	167 100%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.68%	0	5 2.81%	1 0.50%	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	886	165	178	198	178	167
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	880 99.32%	165 100%	173 97.19%	197 99.49%	178 100%	167 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	663 74.83%	106 64.24%	151 84.83%	169 85.35%	120 67.42%	117 70.06%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.11%	0	0	0	0	1 0.59%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	6 0.68%	0	5 2.81%	1 0.50%	0	0



Thủ Đức ngày 29 tháng 8 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Phụng

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học
Năm học: 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	1080 m ² /827
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)		4834 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1	2346 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	21	1080 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	120 m ²
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	1	60 m ²
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1	60 m ²
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1	48 m ²
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		207/21
1.1	Khối lớp 1	4	40
1.2	Khối lớp 2	4	40
1.3	Khối lớp 3	4	44
1.4	Khối lớp 4	5	39
1.5	Khối lớp 5	4	44
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		0
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		0
2.3	Khối lớp 3		0
2.4	Khối lớp 4		0
2.5	Khối lớp 5		0
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ		546HS / 40 bộ

	học tập (Đơn vị tính: bộ)					
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			27/21lớp		
1	Tì vi			3		
2	Cát xét			1		
3	Đầu Video/dầu đĩa			1		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			14		
5	Thiết bị khác...			8		
6						
	Nội dung	Số lượng(m ²)				
X	Nhà bếp	1/60 m ²				
XI	Nhà ăn					
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	21/1080 m ²	827	0.7		
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		270/870hs
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tp. Thủ Đức ngày 29 tháng 8 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

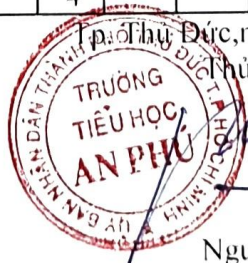


Nguyễn Thị Phụng

Biểu mẫu 08

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý
và nhân viên của trường tiểu học
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38		2	29	1	2	4	12	8	11	16	14		
	Giáo viên	29		1	27	1						14	14		
I	Trong đó số giáo viên tiểu học (GVCN)				21				7	6	6				
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ				2	1			2		1		3		
3	Tin học				1					1		1			
4	Âm nhạc				1				1			1			
5	Mỹ thuật				1					1		1			
6	Thể dục				2						2		2		
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng				1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng				1						1	1			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư						1		1				1		
2	Nhân viên kế toán				1				1				1		
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế						1						1		
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên khác							4					4		



TP. Thủ Đức, ngày 29 tháng 8 năm 2022
Chủ trường đơn vị

Nguyễn Thị Phượng